SỞ Y TẾ LẠNG SƠN
BỆNH VIỆN YHCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 189 /BV-KD
V/v đề nghị cung cấp Báo giá dịch vụ tư vấn và thẩm định đấu thầu

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Công ty, đơn vị cung cấp dịch vụ.

Căn cứ nhu cầu phục vụ công tác khám chữa bệnh, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lạng Sơn có nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn đấu thầu mua sắmmột số mặt hàng vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm.

Bệnh viện trân trọng đề nghị các quý công ty, đơn vị cung cấp dịch vụ có chức năng, năng lực phù hợp cung cấp báo giá dịch vụ tư vấn đấu thầu mua sắm hàng hóa, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Gói thầu số 1: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	Gói	1	Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện năm 2024
2	Gói thầu số 2: Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gói	1	

Danh mục hàng hóa chi tiết tại Phụ lục 1, 2 kèm theo.

Tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lạng Sơn (Khoa Dược, điện thoại: 0205.3815650), thôn Hoàng Trung, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Đồng thời, nhận báo giá qua email: khoaduocyhct68@gmail.com.

Thời hạn tiếp nhận báo giá: trong vòng 10 ngày, kể từ ngày thông tin đăng tải thành công trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lạng Sơn rất mong nhận được sự hỗ trợ, phối hợp của các quý công ty, đơn vị cung cấp dịch vụ.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo BV;
- Đăng website BV;
- Lưu: VT, KD(HTT).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LẠNG SƠN
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Bùi Thị Mẫn

Phụ lục 1: Danh mục sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm năm 2024

(Kèm theo Cv số 189/BV-KD ngày 17 tháng 7 năm 2024 của BV YHCT Lạng Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại của hàng hóa chào giá	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Đơn giá tham khảo VNĐ	Thành tiền VNĐ
I	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Sphera, hãng Edif Instruments – Italia**								
1	Albumin FLUID Mono hoặc tương đương	Albumin	R: 6x50ml	Hộp	2	Đóng gói: R: 6x50ml Thành phần: Bromcresol green: 0,25 mM Succinat Buffer: 85 mM Surfactant PH 4,20 ± 0,1	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	975.000	1.950.000
2	Cholesterol CHOD/PAP Monoreagent hoặc tương đương	Cholesterol	R: 6x100ml	Hộp	6	Đóng gói: R: 6x100ml Thành phần: PIPES 90 mM 4-Aminoantipyrin 0.40 mM Cholesterol oxidase 350 U/L Cholesterol esterase 500 U/L Peroxidase 1000 U/L Phenol 28 mM pH 6,8 ±0.2	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	4.250.000	25.500.000
3	HDL-Cholesterol fluid homogeneous hoặc tương đương	HDL Cholesterol Direct	R1: 4 x 75 mL + R2: 2 x 50 Ml	Hộp	12	Đóng gói: R1: 4 x 75 mL + R2: 2 x 50 Ml Thành phần: Thuốc thử R1 Dextran sulfat ≤ 10g/dL MgCL2.6H2O ≤ 5 g/dL Detergent ≤ 10g/dL;pH 6,2-6,8;Thuốc thử R2Detergent ≤ 2%;PEG-Cholesterol oxidase ≤ 5 KU/L;PEG-Cholesterol esterase ≤ 5 KU/L;4-Aminoantipyrine ≤1 g/dL;Peroxidase ≤ 8 KU/L;pH 6,8 -7,4	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	8.900.000	106.800.000

4	Creatinine-Jaffe-Kin.FLUID 5+1 hoặc tương đương	Creatinine 2V	R1: 3 x 100 mL + R2: 3 x 100 Ml	Hộp	6	Đóng gói: R1: 3 x 100 mL + R2: 3 x 100 Ml Thành phần: Thuốc thử R1 Sodium hydroxide 350 mM pH 13,0 ± 0,2 Thuốc thử R2 Picric acid 10 mM pH 2,6 ± 0,1	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	3.000.000	18.000.000
5	Glucose GOD/PAP Fluid Monoreagent hoặc tương đương	Glucose	R: 6X100ML	Hộp	6	Đóng gói: R: 6X100ML Thành phần: Glucose Oxidase ≤ 23 U/mL Peroxidase ≤ 0,75 U/mL Aminoantipyrine 0,30 mM 4-Chlorophenol < 10 mM Non-reactive stabilizers and fillers Sodium Azide 0,05%. pH 7,4 ± 0,15	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	2.600.000	15.600.000
6	GOT(ASAT)IFCC fluid (5+1) hoặc tương đương	AST/GOT 2V	R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 Ml	Hộp	6	Đóng gói: R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 MlThành phần: Thuốc thử R1:Tris Buffer 100 mML-Aspartic acid 330 mM; Malate dehydrogenase (MDH) >1000 U/L; LDH (microbial) >2000 U/L; pH 7,8 ± 0,1 Thuốc thử R2NADH 1,1 mM; α-Ketoglutaric acid 78 mM;Sodium azide 0.01 %; pH 10,0 ± 0,1	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	3.150.000	18.900.000

7	GPT(ALAT)IFCC fluid (5+1) hoặc tương đương	ALT/GPT 2V	R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 Ml	Hộp	6	Đóng gói: R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 Ml Thành phần: Thuốc thử R1: Tris Buffer 125 mM L-Alanine 680 mM LDH (microbial) >2000 U/L pH 7.5 ± 0.1 Thuốc thử R2: α-ketoglutaric acid 97 mM NADH 1.1 mM Sodium azide 0.01 % pH 10.5 ± 0.1	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	3.150.000	18.900.000
8	Protein total fluid Mono hoặc tương đương	Protein total	R: 6X50ML	Hộp	2	Đóng gói: R: 6X50ML Thành phần: Sodium Hydroxide 600 mM Cupric Sulfate 12 mM Potassium Sodium Tartrate 32 mM Potassium Iodide 30 mM	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	1.500.000	3.000.000
9	Triglycerides fluid Mono hoặc tương đương	Triglycerides	R: 6X100ML	Hộp	7	Đóng gói: R: 6X100ML Thành phần: ATP 0,1 mM; 4-Aminophenazone 0,1 mM; p- chlorophenol 2,0 mM; GPO 3500 U/L; Lipoprotein Lipase 150000 U/L; GK 500 U/L; GOOD 50 mM; pH 6,3 ± 0,1	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	4.250.000	29.750.000

10	Urea UV Fluid 5+1 hoặc tương đương	Urea 2V	R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 mL	Hộp	6	Đóng gói: R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 mL Thành phần: Buffer α-Ketoglutarate < 4.0 mM Urease 7500 U/L GLDH 1000 U/L ADP > 2.0 mM NADH 1,29 mM Stabilizers and detergents pH 7.4 ± 0.1	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	3.400.000	20.400.000
11	Uric acid PAP fluid 5+1 hoặc tương đương	Uric acid	R: 6x100ml	Hộp	4	Đóng gói: R: 6x100ml Thành phần: TOOS <1 mM 4-AAP <4 mM Uricase 150 U/L Peroxidase 12000 U/L Non-reactive stabilizers and fillers. pH 7.6±0.2	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	3.750.000	15.000.000
12	Centrocal hoặc tương đương	Chem-Calibrator	1 X 3 ml/lọ	Lọ	12	Mẫu chuẩn 1 X 3 ml/lọ Thành phần: Huyết thanh của con người; Phụ gia sinh học; Các chất kìm khuẩn.	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	600.000	7.200.000
13	Centronorm hoặc tương đương	Chem-Control N	1 X 5 ml/lọ	Lọ	12	Mẫu chuẩn 1 X 5 ml/lọ Thành phần:Huyết thanh của con người; Phụ gia sinh học; Các chất kìm khuẩn.	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	600.000	7.200.000

14	Centropath hoặc tương đương	Chem-Control A	1 X 5 ml/lọ	Lọ	12	Mẫu chuẩn 1 X 5 ml/lọ Thành phần: Huyết thanh của con người; Phụ gia sinh học; Các chất kìm khuẩn.	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	600.000	7.200.000
15	System Clean Alkaline Forte hoặc tương đương	Base Washing Solution	Hộp 1000 ml	Hộp	2	Đóng gói: Hộp 1000 ml Thành phần: NaOH 0.1 N	BILIMSEL TIBBI URUNLER PAZ. SAN. VE TIC LTD.STI- Thổ Nhĩ Kỳ	1.200.000	2.400.000
16	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng 13 thông số xét nghiệm nước tiểu nồng độ bình thường hoặc tương đương	URINALYSIS CONTROL-LEVEL 1-(URNAL CONTROL 1)	12 x 12 ml	Hộp	4	Dạng lỏng, 100 % nước tiểu người, kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức bình thường bao gồm các thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine; hCG; Ketones; Leukocytes; Nitrite; pH; Protein (Total); Specific Gravity; Urobilinogen	Randox Laboratories Limited-Vương quốc Anh, Anh	6.200.000	24.800.000
II	**Sinh phẩm dùng cho máy phân tích nước tiểu Mindray UA-66**								
17	Que thử phân tích nước tiểu loại 11 thông số hoặc tương đương	Que thử phân tích nước tiểu loại 11 thông số	Lọ 100 que	Lọ 100 que	2.500	Đo các chỉ số: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/NIT/URO/PRO/pH/BLO/SG/KET/BIL/GLU/AS). Dạng que.	Acon Biotech(HangZhou) co.,ltd,Trung Quốc	2.700	6.750.000
III	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động Celltac ES 7300K, hãng Nihon Kohden – Nhật Bản**								

18	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học hoặc tương đương	Cleanac/MEK-520	Thùng 5 lít	Lít	45	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần:Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether.	Nihon Kohden Tomioka Corporation/ Nhật Bản	762.000	34.290.000
19	Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy xét nghiệm huyết học hoặc tương đương	Cleanac 3/MEK-620	Thùng 5 lít	Lít	45	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit.	Nihon Kohden Tomioka Corporation/ Nhật Bản	762.000	34.290.000
20	Dung dịch ly giải màng hồng cầu để đo Hemoglobin hoặc tương đương	Hemolynac 3N	Chai 0,5 lít	Lít	4	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	Nihon Kohden Tomioka Corporation/ Nhật Bản	5.420.000	21.680.000
21	Dung dịch ly giải màng hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu hoặc tương đương	Hemolynac 5/MEK-910	Chai 0,5 lít	Lít	3	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm	Nihon Kohden Tomioka Corporation/ Nhật Bản	12.000.000	36.000.000

22	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học hoặc tương đương	Isotonac 3/ MEK-640	Thùng 18 lít	Lit	360	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không; Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	Nihon Kohden Tomioka Corporation/ Nhật Bản	144.445	52.000.200
23	Dung dịch nội kiểm mức thường dùng cho máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu hoặc tương đương MEK-5DN	Máu chuẩn MEK-5DN	Lọ 3 ml	Lọ	4	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú.	Research and Diagnostic Systems, Inc.(R&D Systems,Inc.)/Hoa kỳ	3.710.000	14.840.000
	Tổng cộng: 23 danh mục								**522.450.200**

Phụ lục 2: Danh mục vật tư y tế năm 2024

(Kèm theo Cv số /BV-KD ngày tháng 7 năm 2024 của BV YHCT Lạng Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách đóng gói	Hãng, nước sản xuất	Số lượng dự kiến	Đơn giá tham khảo VNĐ	Thành tiền
1	Bông y tế (Bông thấm nước hoặc tương đương)	Kg	Bông y tế thấm nước, chất liệu bông xơ tự nhiên 100% cotton, không có chất tẩy trắng, có khả năng giữ nước.	Gói 1Kg	An Lành, VN	30	150.000	4.500.000
2	Băng dính cá nhân y tế UGOTANA (19mm x 72mm) - Tanaphar/ Việt Nam, hộp 102 miếng, hoặc tương đương	Hộp	Chất liệu vải Viscose và polyamide co giãn, không thấm nước. Đệm thấm dịch màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Kẽm oxyd không dùng dung môi. Kích thước: 19mm x 72mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Hộp 102 miếng	Tanaphar, Việt Nam	16	25.200	403.200
3	Băng dính lụa hoặc tương đương	Cuộn	Chất liệu: Nền vải lụa phủ keo màu trắng, keo nhiệt, không dùng dung môi với độ keo dính tốt, lâu dài. Lõi nhựa liền với cánh bảo vệ, có bờ răng cưa 2 bên, dễ xẻ dọc, xé ngang. Không gây kích ứng da. Kích thước: 5cm x 5m. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn 5cm x 5m	Jinhua Jingdi, Trung Quốc	124	16.000	1.984.000

4	Băng dính ngón Tanaphar - Việt Nam hoặc tương đương	Hộp	Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. Đệm thấm dịch màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Kẽm oxyd không dùng dung môi. Kích thước 38mm x 72mm.	Hộp 30 miếng	Tanaphar, Việt Nam	24	23.000	552.000
5	Bơm tiêm sử dụng một lần VINAHANKOOK - 10ml/cc - Vinahankook/ Việt Nam hoặc tương đương.	Cái	Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy. Bơm tiêm vô trùng, không độc, không buốt, không gây sốt, không DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Hộp 100 cái	Tanaphar, Việt Nam	100	1.150	115.000
6	Bơm tiêm sử dụng một lần VINAHANKOOK - 5ml/cc - Vinahankook/ Việt Nam hoặc tương đương.	Cái	Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy. Bơm tiêm vô trùng, không độc, không buốt, không gây sốt, không DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Hộp 100 cái	Tanaphar, Việt Nam	11600	680	7.888.000
7	Chỉ Catgut 4/0	Sợi	Chỉ phẫu thuật tự tiêu liền kim vô trùng.	Hộp hoặc túi	Trung Quốc	12	9.700	116.400
8	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu liền kim vô trùng 4/0 - Trung Quốc, Vỉ 1 sợi, hoặc tương đương	Sợi	Chỉ phẫu thuật tự tiêu liền kim vô trùng.	Hộp hoặc túi	Trung Quốc	55	12.500	687.500
9	Cuvet sinh hóa (CML07018A) - Edif Instruments Srl/ Ý hoặc tương đương	Cái	Dùng cho máy sinh hoá Sphera Edif. Dạng PMMA, kích thước 6mm đường quang 15mm, thể tích 210-350ul.	Hộp	Edif Instruments Srl/ Ý	100	80.000	8.000.000

10	Cồn 70 độ, chai 500ml - Việt Nam hoặc tương đương	Chai	Cồn y tế 70% ethanol, tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Chai 500ml	Thuận Phát, Việt Nam	214	18.000	3.852.000
11	Cồn 90 độ, chai 500ml - Việt Nam hoặc tương đương	Chai	Cồn y tế 90% ethanol, tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Chai 500ml	Thuận Phát, Việt Nam	86	21.000	1.806.000
12	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ hoặc tương đương - MEGASEPT GTA 2.5%	Can	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ chứa Glutaraldehyde 2,5% (w/w) hoặc tương đương về tính năng, thành phần, tiêu chuẩn, quy cách.	Can 5 lít	Lavitec, Việt Nam	4	385.000	1.540.000
13	Dây máy điện châm (Đầu dẹt) - Trung Quốc, túi 10 dây hoặc tương đương	Dây	Dây thiết kế phù hợp với máy điện châm, đầu giắc cắm tiếp xúc điện tốt, ổn định. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Túi	Wujin Greatwall Medical Device Co., Ltd. Changzhou/ Trung Quốc	330	58.000	19.140.000
14	Dây máy điện châm (Đầu tròn) - Trung Quốc, túi 10 dây hoặc tương đương	Dây	Dây thiết kế phù hợp với máy điện châm, đầu giắc cắm tiếp xúc điện tốt, ổn định. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Túi	Wujin Greatwall Medical Device Co., Ltd. Changzhou/ Trung Quốc	100	45.000	4.500.000
15	Dây thở oxy hai nhánh người lớn - Omiga/ Việt Nam, túi/10 cái hoặc tương đương	Cái	Dây oxy hai nhánh, Làm bằng chất liệu PVC y tế pha silicon dẻo, dài 230cm, đường kính 5mm, đầu canula mềm không gây khó chịu, kích ứng mũi; được tiệt trùng, đạt tiêu chuẩn y tế.	Túi 10 cái	Omiga, Việt Nam	20	5.500	110.000
16	Dây garo cao su	Cái	Chất liệu bằng cao su co giãn, có khóa cài.	Hộp hoặc túi	Trung Quốc	33	16.000	528.000

17	Gel siêu âm - 3A/ Việt Nam, can 5 lít, hoặc tương đương	Can	Thành phần chính là nước, được dùng siêu âm hoặc chất bôi trơn.	Can 5 lít	3A, Việt Nam	14	115.000	1.610.000
18	Germisep hoặc tương đương	Hộp	Dạng viên sủi, dùng để khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế. Thành phần mỗi viên: Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%, thành phần khác 32%. pH 5,5-6,7 ở nhiệt độ phòng. Khối lượng mỗi viên 5g.	Hộp 100 viên	Hovid Berhad (Hovid Bhd), Malaysia	1	450.000	450.000
19	Giá đựng ống nghiệm phi 18, đường kính giếng 1.8cm - Việt Nam	Cái	Giá đựng ống nghiệm phi 18, đường kính giếng 1.8cm, 20 ô đặt. Chất liệu bằng inox.	Hộp hoặc túi	Việt Nam	2	105.000	210.000
20	Giấy in máy xét nghiệm nước tiểu, kích thước: 58mm x 30m - Việt Nam	Cuộn	Giấy in dạng cuộn dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu, kích thước: 58mm x 30m.	Cuộn	Hải Anh, Việt Nam	10	9.800	98.000
21	Găng tay cao su y tế có bột	Đôi	Găng tay y tế sản xuất từ cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính. Các cỡ S, M, L hoặc tương đương.	Hộp	Merufa, Việt Nam	7800	980	7.644.000
22	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số (xx: Merufa - Việt Nam) hoặc tương đương	Đôi	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, tiệt trùng bằng khí EO. Các cỡ 6.5-7.0-7.5-8.0. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Túi/ đôi	Merufa, Việt Nam	130	4.150	539.500
23	Hộp y tế (Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã sử dụng)	Hộp	Hộp an toàn màu vàng, dung tích 5 lít, được tráng PE cả mặt trong và mặt ngoài.	Hộp	Mediplast, Việt Nam	120	18.000	2.160.000

24	Khẩu trang y tế An Phú hoặc tương đương	Cái	Khẩu trang y tế 3 lớp gồm 1 lớp giấy kháng khuẩn, 2 lớp vải không dệt. Kích thước: rộng 17,5 x dài 9,5cm (±5mm). Dây đeo co giãn mềm mại. Có thanh nẹp mũi bằng nhựa, dễ dàng định hình. Chỉ tiêu giới hạn về xâm nhập của các độc tố: Đạt tiêu chuẩn: TCVN 6238-3:1997. Sản phẩm được đóng vào túi PE, vỏ hộp trung gian. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Hộp 50 cái	An Phú, Việt Nam	1000	500	500.000
25	Kim châm cứu	Cái	Kim châm cứu tiệt trùng dùng 1 lần, có cán, đầu kim sắc, bề mặt kim nhẵn; đóng gói dạng vỉ, các cỡ phù hợp. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Vỉ	Changchun Aik Medical Devices Co.,Ltd, Trung Quốc	172000	325	55.900.000
26	Kim luồn tĩnh mạch Polyflon hoặc tương đương	Cái	Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, 2 đường cản quang. Catheter kháng xoắn ống, chắn bức xạ. Kim bén với ba mặt vát. Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao. Catheter ôm sát thân kim. Cửa chích thuốc nằm trung tâm kim, có van một chiều. Nguyên liệu FEP. Tiệt trùng bằng khí EO. Các cỡ 16G - 26G.	Hộp 100 cái	Poly Medicure Limited, Ấn Độ	6800	2.520	17.136.000

27	Kim lấy thuốc	Cái	Kim được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảovệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim. Các cỡ kim 18G - 20G. Kim được tiệt trùng, đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP.	Hộp 100 cái		100	450	45.000
28	Kim quang dẫn laser nội mạch	Cái	Kim quang dùng trong điều trị laser nội mạch, sợi quang mềm mại, linh hoạt khi sử dụng. Cỡ kim 22G.	Hộp 50 cái	Guilin Kangxing, Trung Quốc	680	30.000	20.400.000
29	Kim tiêm sử dụng một lần - Vinahankook/ Việt Nam hoặc tương đương, hộp/100 cái	Cái	Kim được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảovệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim. Các cỡ kim 18G - 26G. Kim được tiệt trùng, đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP.	Hộp 100 cái	Tanaphar, Việt Nam	3000	450	1.350.000
30	Miếng dán điện cực dùng cho máy điện xung MF-508	Cái	Miếng dán điện cực dùng cho máy điện xung MF-508, làm từ vật liệu xốp, bảo vệ điện cực và gel từ các chất tẩy rửa phẫu thuật.	Hộp/ túi	Trung Quốc	100	15.000	1.500.000
31	Miếng mút dán điện cực (làm ẩm) dùng cho máy điện xung Model BM-420, thương hiệu: Hanil	Cái	Miếng mút dùng dán điện cực phù hợp với máy điện xung Model BM-420, Hanil.	Hộp/ túi	Hàn Quốc	100	88.000	8.800.000

32	Nhiệt kế thủy ngân - Trung Quốc hoặc tương đương. Hộp 12 cái	Cái	Nhiệt kế thủy ngân dùng kiểm tra nhiệt độ cơ thể, có vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát.	Hộp 12 cái	Trung Quốc	12	24.000	288.000
33	Phim XQuang DI-HL 20x25cm hoặc tương đương (Fuji/Nhật Bản)	Tờ	Phim dùng cho chụp XQuang y tế, kích cỡ 20x25cm, tương thích máy in phim khô Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000)...	Hộp 150 tờ	Fujifilm, Nhật Bản	3000	15.200	45.600.000
34	Que đè lưỡi gỗ Tanaphar hoặc tương đương	Cái	Que đè lưỡi dùng để khám, làm bằng gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Sản phẩm được tiệt trùngbằng khí EO.	Hộp 100 cái (que)	Tanaphar, Việt Nam	100	390	39.000
35	Sample cup - Italia hoặc tương đương. Túi 500 cái	Cái	Làm bằng nhựa, không chứa kim loại, phù hợp dùng đựng mẫu cho máy xét nghiệm sinh hoá Sphera Edif.	Túi 500 cái	Italia	1000	3.900	3.900.000
36	Sáp parafin - Trung Quốc hoặc tương đương. Bao 15kg	Kg	Sáp parafin dùng được trong y tế.	Bao/ túi 15kg	Trung Quốc	60	70.900	4.254.000
37	THA HANDRUB hoặc tương đương (Chai 500ml)	Chai	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh THA Hand rub hoặc tương đương về tính năng, thành phần, tiêu chuẩn, quy cách.	Chai 500ml	THA, Việt Nam	60	65.000	3.900.000

38	Ống lưu mẫu máu kháng đông EDTA - Việt Nam hoặc tương đương.	Ống	Ống được làm bằng nhựa y tế, kích thước ống 12x75mm, có nắp, nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóachất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời khoảng từ 6 - 8 giờ. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc từ 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Hộp 100 ống	An Phú, Việt Nam	1800	680	1.224.000
39	Ống lưu mẫu máu kháng đông Heparin - Việt Nam hoặc tương đương	Ống	Ống được làm bằng nhựa y tế, kích thước ống 12x75mm, có nắp, nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóachất bên trong là Lithium Heparin dưới dạng hạt sương. Ống có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm gia tốc từ 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Khay /hộp 100 ống	An Phú, Việt Nam	2500	710	1.775.000
40	Ống nghiệm thuỷ tinh 1,5cm x 16cm - Việt Nam	Cái	Ống nghiệm bằng thuỷ tinh, kích thước 1,5cm x 16cm.	Hộp	Việt Nam	450	1.500	675.000

41	Máy đo huyết áp dùng cho nhi khoa	Bộ	Máy đo huyết áp dùng cho nhi khoa. Cấu hình gồm: 01 đồng hồ, 01 bao đo huyết áp trẻ em, 01 quả bóp bóng kèm vale, 01 túi nhựa đựng máy, 01 hộp giấy. Đồng hồ có vạch chia từ 20mmHg đến 300mmHg, độ chính xác ±3mmHg. Kích thước bao đo 8,5 x 30cm.	Hộp 1 bộ	ALPK2, Tanaka Sangyo, Nhật Bản	2	600.000	1.200.000
	Tổng cộng: 41 khoản.							**236.919.600**